

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HS-ST.
Ngày : 25 - 4 - 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: Nguyễn Văn Vỹ; nghề nghiệp: Công chức. Nơi công tác: Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

+ Ông: Đinh Văn Nghin, nghề nghiệp: Cán bộ đoàn. Nơi công tác: Huyện đoàn huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Loan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Trà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2023/TLST-HS, ngày 26 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2023/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **PHẠM VĂN T1** sinh ngày 26 tháng 9 năm 2001, tại Bình Định; nơi cư trú: thôn L, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1976 và bà Tô Thị T, sinh năm 1983; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 17/3/2023, bị Công an xã An Hòa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với hình thức phạt tiền, bị cáo đã chấp hành xong việc nộp phạt ngày 10/5/2023. Bị bắt tạm giam từ ngày 27/5/2023, “Có mặt”.

2. **NGUYỄN VĂN T2**, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2004, tại Bình Định; nơi cư trú: thôn L, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không nghề; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1977; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự, ngày 30/12/2022, bị Công an xã An Hòa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng rượu, bia, các chất kích thích gây mất trật tự công cộng” với hình thức phạt tiền, đến nay bị cáo chưa chấp hành xong việc nộp phạt tiền; nhân thân: Ngày 06/6/2023, bị Công an xã An Hòa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “ Tổ chức, tham gia tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng” với hình thức phạt tiền, bị cáo chưa chấp hành việc nộp phạt tiền. Bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2023, “Có mặt”.

3. **PHẠM DUY T3**, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2005, tại Bình Định; nơi cư trú: thôn L, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không nghề; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1984 và bà Trần Lê Xuân D, sinh năm 1986; Chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự, ngày 30/12/2022, bị Công an xã An Hòa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng rượu, bia, các chất kích thích gây mất trật tự công cộng” với hình thức phạt tiền, bị cáo đã chấp hành xong việc nộp phạt vào ngày 04/01/2023; nhân thân: bị Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định xử phạt 03 năm tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”, tại bản án số 18/2023/HS-ST, ngày 29/9/2023. Bị bắt giam từ ngày 07/6/2023 (Đang chấp hành án tại trại giam Sông Cánh), “Có mặt”.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*

Ông: Phạm Văn T, 39 tuổi, nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định; là cha ruột của bị cáo Phạm Duy T, “ Có mặt”.

- *Bị hại:*

Ông: Trần Văn K, 20 tuổi, nơi cư trú: Thôn V, xã Ân, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. “Có mặt”

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

Bà: Đoàn Thị Kim A, 46 tuổi, nơi cư trú: Thôn V, xã Ân, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. “Có mặt”

- *Những người làm chứng:*

1. Ông: Võ Văn H, 19 tuổi, nơi cư trú: Thôn V, xã Ân, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. “Vắng mặt”

2. Ông: Trần Đình C, 20 tuổi, nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “ Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đêm ngày 13/02/2023, tại khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị Đ ở khu phố 9, thị trấn An Lão, huyện An Lão, Trần Văn K nhậu cùng bạn gồm: Trần Đình C, Võ Văn H, Huỳnh Thị Diễm T, Dương Thị Thùy N. Đến khoảng 0 giờ ngày 14/02/2023, khi K ra ngoài đi vệ sinh thì gặp Phạm Văn T1 đang ngồi ngoài hè phòng trọ ở kế bên. T1 nhắc K ăn nhậu thì nói nhỏ, không gây ồn ào, giữa K và T1 có nói qua lại. Sau đó K đi vào phòng tiếp tục nhậu. Vì bức tức muốn đánh K, nhưng do K cùng bạn trong phòng có đông người, nên T1 đã gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T2 nói T2 lên giúp T1 đánh nhóm của K. T2 đồng ý và nói T1 xuống chờ T2 lên, vì T2 không có xe. Sau đó T1 gọi điện thoại cho Phạm Duy T3 hỏi mượn xe để lên chờ T2. Nghe vậy, T3 gọi điện thoại cho T2 và biết T1 có mâu thuẫn tại phòng trọ và nhờ T3 lên giúp, T3 chạy xe đến phòng trọ của T1. T1 nói T2 đưa xe mô tô của T1 để T3 chở T1 chạy xuống đón T2. Với mục đích lên phòng trọ để đánh nhau. T2 chuẩn bị sẵn một cái rựa (Có tổng chiều dài 95 cm, phần lưỡi rựa dài 26 cm) đứng trước cổng nhà chờ. T3 điều khiển xe chở T1 đến đón T2, T3 điều khiển xe chở T1 ngồi giữa, T2 ngồi sau cùng cầm theo rựa, lên dãy nhà trọ. Khi đến nơi, T3 dựng xe ở ngoài đường trước dãy trọ. T1 và T3 vào bên trong dãy trọ, còn T2 cầm rựa đứng chờ trên xe. Tại đây, T1 và K tiếp tục cãi nhau, lúc này Võ Văn H chạy ra khỏi phòng trọ tiến về phía T3, thì T3 chạy qua chỗ T2 giật lấy cái rựa từ tay T2, T3 cầm rựa quơ chém về phía H, H lùi vào lại phòng. Thấy vậy, K đập bung cửa trọ chạy ra thì T3 bỏ chạy, T2 đến giật lấy lại cái rựa từ tay T3 rồi T2 bảo T3 đi về, T3 bỏ đi. T1 và T2 đi về phía bãi đất trống bên cạnh dãy nhà trọ, K chạy đến, xông vào đánh bằng tay chân với T1. Thấy vậy T2 cầm rựa bằng hai tay đưa lên cao về phía bên phải chém xéo hướng từ trên xuống một nhát thì phần lưỡi rựa trúng vào chân phải của K, K kêu lên “á”, rồi K khụy chân xuống đất, K nằm ngửa hướng hai chân ra đường. T2 tiếp tục cầm rựa chém phần sống rựa vào chân K hai cái, thì K la lên “gãy chân em rồi” thì T2, T1 dừng lại không đánh nữa. Sau đó K được đưa đến Trung tâm y tế huyện An Lão cấp cứu rồi chuyển viện đến bệnh viện Đa khoa Bồng Sơn điều trị đến ngày 22/02/2023 thì xuất viện. T1 bị thương tích nhẹ, không nhập viện điều trị, không có yêu cầu gì.

Ngày 18/4/2023, Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định có kết luận số 131/KLTTCT-PYBD, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Văn K tại thời điểm giám định là 18%.

Bản cáo trạng số: 15/CT-VKSAL, ngày 25 tháng 10 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Phạm Duy T3 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và đề nghị:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Phạm Duy T3 đồng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 18 đến 24 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 54 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 15 đến 18 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58; Điều 98 và Điều 101 của BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Duy T3 từ 06 đến 09 tháng tù, áp dụng Điều 104 của BLHS để tổng hợp hình phạt với bản án số 18/2023/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền còn lại là 15.113.025 đồng. Đề nghị áp dụng Điều 48, Điều 584, Điều 585, Điều 590 của Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại theo vai trò phạm tội của từng bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái rựa có tổng chiều dài 95 cm, có phần cán gỗ dài 69 cm, trên cán gỗ có quấn quanh sợi cao su màu đen, có dấu vết lõm nghi do mối ăn nham nhỡ; phần lưỡi rựa bằng kim loại dài 26 cm, bản rộng 4 cm, mặt rựa bị rỉ sét.

Ý kiến của bị hại Trần Văn K: Hiện nay sức khỏe của bị hại đã ổn định, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền còn lại theo yêu cầu của mẹ bị hại là bà Đoàn Thị Kim A đưa ra.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Bà Đoàn Thị Kim A mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại K gồm những khoản sau: Chi phí điều trị tại bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn là 17.186.125 đồng; Hóa đơn mua thuốc bán lẻ ngày 24/02/2023 là 727.000 đồng; Phiếu chụp X Quang ngày 24/02/2023 là 99.900 đồng; Tiền công bị mất thu nhập của bị hại và người nuôi 09 ngày x 300.000 đồng/ngày x 2 người = 5.400.000 đồng; Tiền xe cấp cứu sáng ngày 14/02/2023 là 700.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần bằng 10 tháng lương tối thiểu, tổng cộng là 42.113.025 đồng. Bà Anh đã nhận tiền của các bị cáo bồi thường trước là 27.000.000 đồng gồm: tiền của bị cáo T1 17.000.000 đồng, tiền của bị cáo Tuấn 5.000.000 đồng, tiền của bị cáo T3 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Văn K là 15.113.025 đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2 và Phạm Duy T3 ăn năn hối cải, xin lỗi bị hại và gia đình bị hại, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Đêm ngày 13, rạng sáng ngày 14/02/2023, Phạm Văn T1 gọi điện cho Nguyễn Văn T2 đề bàn bạc nhờ T2 lên hỗ trợ T1 đánh nhóm của Trần Văn K. T2 liền gọi điện thoại nói với T3 xuống nhà đón chờ T2. T3 đến phòng trọ của T1 chờ T1 xuống nhà đón T2 lên gặp K để đánh nhau. T1 và K đánh nhau bằng tay. T2 dùng rựa chém 03 nhát vào chân K, 01 nhát bằng lưỡi rựa, 02 nhát bằng sông rựa. Kết luận giám định pháp y xác định bị hại Trần Văn K bị tổn hại sức khỏe là 18%. Các bị cáo bàn bạc cùng tham gia đánh nhau, bị cáo T1 gọi điện yêu cầu bị cáo T2 hỗ trợ. Bị cáo T2 gọi điện rủ bị cáo T3. Bị cáo T3 đến đón T1 và dùng xe mô tô chở T1 ngồi giữa, T2 ngồi sau cầm cái rựa nhằm mục đích để đánh nhóm của K. Các bị cáo bàn bạc thống nhất cùng thực hiện hành vi đánh nhau. T2 dùng hung khí nguy hiểm là cái rựa chém gây thương tích cho bị hại Trần Văn K 18%. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão truy tố các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Phạm Duy T3 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[3] Xét tính chất của vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội và trái pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của con người được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tinh thần và thể chất của bị hại, gây sự bất bình trong quần chúng nhân dân và xâm phạm trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, có khả năng gây tổn hại đến sức khỏe của người khác nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Các bị cáo là thanh niên có đủ sức khỏe, có điều kiện để lao động và tự rèn luyện bản thân trở thành một công dân có ích cho

xã hội, thế nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng, chí thú làm ăn mà lại tụ tập bàn bạc rồi cùng nhau thực hiện hành vi chém bị hại. Các bị cáo đồng phạm giản đơn, cùng bàn bạc hỗ trợ nhau tích cực cùng thực hiện hành vi phạm tội. Để đưa ra mức hình phạt tương xứng, cần phải đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Vai trò của mỗi bị cáo được xác định cụ thể như sau:

[3.1] Đối với bị cáo Phạm Văn T1: Là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo lên đánh bị hại, bị cáo T dùng chân tay đánh bị hại trước, sau đó Tuấn chém bị hại gây thương tích 18%, bị cáo T1 tạo điều kiện về mặt tinh thần để bị cáo T2 thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo T1 thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo T1 đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có ông nội, ông ngoại là người được hưởng chính sách như thương binh. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử xét thấy để tương xứng với hành vi bị cáo thực hiện và đấu tranh và phòng, chống tội phạm trên địa bàn huyện nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe, cải tạo bị cáo thành công dân có ích và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T2: Là người thực hành tích cực trong vụ án. Khi nghe bị cáo T1 gọi điện bàn bạc lên đánh Trần Văn K, bị cáo T2 đồng ý thực hiện, chuẩn bị công cụ là cái rựa và gọi điện cho bị cáo T3 xuống chở lên hỗ trợ cho bị cáo T1. Bị cáo T2 trực tiếp chém nhiều nhất vào chân của bị hại gây thương tích 18%. Vì vậy cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc, thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên HĐXX cũng nhận thấy rằng, bị cáo T2 tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[3.3] Đối với bị cáo Phạm Duy T3: Là người giúp sức tích cực. Sau khi nghe Tuấn gọi bàn bạc xuống nhà chở T2 lên đánh hỗ trợ cho bị cáo T1, thì bị cáo T3 liền trực tiếp điều khiển xe mô tô sang phòng trọ của T1, dùng xe mô tô chở T1 đi xuống nhà đón T2 đi chém gây thương tích cho bị hại. Tại phòng trọ, T3 thấy có người trong nhóm của K chạy ra ngoài, T3 liền chạy đến giục rựa T2 đang cầm và quơ dọa H Bị cáo T3 trực tiếp dùng xe mô tô chở T1, T2 đi đánh nhau, có tham gia cầm rựa quơ dọa và hỗ trợ về lực lượng cho đồng phạm khác. Hành vi của bị cáo T3 thực hiện là đồng phạm với bị cáo T1 và bị cáo T2, vì vậy bị cáo T3 phải chịu hình phạt cùng với đồng

phạm khác là cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định. Tuy nhiên HĐXX thấy rằng bị cáo T3 có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo T3 phạm tội khi chưa thành niên, do bị người khác xúi giục nên HĐXX sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thành.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T1, T2 rủ rê, xúi giục bị cáo Phạm Văn T3 là người dưới 18 tuổi phạm tội, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T1, T2 có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật. Bị cáo Thành là người chưa thành niên, phạm tội do các bị cáo T1, T2 rủ rê xúi giục và là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nên áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 54 BLHS, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng để thể hiện tính khoan hồng và nhân đạo của pháp luật đối với các bị cáo.

[6] Kiểm sát viên đề nghị xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Văn K gồm các khoản: Chi phí điều trị tại bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn là 17.186.125 đồng; Hóa đơn mua thuốc theo chỉ định bác sĩ là 727.000 đồng; Phiếu chụp Xquang là 99.900 đồng; Tiền xe cấp cứu đến bệnh viện Bồng Sơn là 700.000 đồng; Tiền mất thu nhập của bị hại và người nuôi là 5.400.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ sở là 18.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền các bị cáo phải bồi thường cho bị hại K là 42.113.025 đồng.

[7.1] Tại phiên tòa các bị cáo thống nhất thỏa thuận tự nguyện bồi thường cho bị hại K số tiền cụ thể của mỗi bị cáo là: bị cáo Phạm Văn T1 và bị cáo Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo bồi thường 17.556.500 đồng, bị cáo T3 bồi thường 7.000.000 đồng. Tổng cộng là 42.113.000 đồng. Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại (do bà Đoàn Thị Kim A nhận) là 27.000.000 đồng, trong đó bị cáo T1 đã bồi thường 17.000.000 đồng; bị cáo T2 đã bồi thường 5.000.000 đồng và bị cáo T3 đã bồi thường 5.000.000 đồng.

[7.2] Các bị cáo thống nhất còn phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền là 15.113.000 đồng, cụ thể: Bị cáo T1 bồi thường 556.500 đồng; bị cáo T2 bồi thường 12.556.500 đồng; bị cáo T3 bồi thường 2.000.000 đồng. Sự thỏa thuận của các bị cáo tại phiên tòa được bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đồng ý, xét thấy các bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, nên HĐXX ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Công an huyện An Lão thu giữ 01 cái rựa. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy vật chứng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Phạm Duy T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 BTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn Thuận, Nguyễn Văn Tuấn;

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 và Điều 104 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Duy Thành;

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 điều 106; Điều 135; 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Căn cứ Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Phạm Duy T3 đồng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn T1** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 27/5/2023)

2.2. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T2** 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 30/5/2023)

2.3. Xử phạt: Bị cáo **Phạm Duy T3** 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt với 03 năm tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST, ngày 29/9/2023, của Tòa án nhân dân huyện

An Lão, tỉnh Bình Định. Tổng cộng bằng 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 07/6/2023).

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại. Buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Văn K số tiền còn lại là 15.113.000 đồng, cụ thể như sau:

Bị cáo Phạm Văn T1 phải bồi thường số tiền 556.500 đồng (Năm trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng chẵn).

Bị cáo Nguyễn Văn T2 phải bồi thường số tiền 12.556.500 đồng (Mười hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng chẵn).

Bị cáo Phạm Duy T3 phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn).

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái rựa có tổng chiều dài 95 cm, có phần cán gỗ dài 69 cm, trên cán gỗ có quấn quanh sợi cao su màu đen, có dấu vết lõm nghi do mối ăn nham nhỡ; phần lưỡi rựa bằng kim loại dài 26 cm, bản rộng 4 cm, mặt rựa bị rỉ sét.

5. Về án phí:

5.1. Buộc bị cáo Phạm Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Tổng cộng số tiền án phí mà bị cáo T1 phải nộp là 500.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng chẵn).

5.2. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 627.800 đồng. Tổng cộng số tiền án phí mà bị cáo T2 phải nộp là 827.800 đồng (Bằng chữ: Tám trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm đồng chẵn).

5.3. Buộc bị cáo Phạm Duy T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Tổng cộng số tiền án phí mà bị cáo T3 phải nộp là 500.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng chẵn).

6. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị

cường chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25/4/2024).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Trại giam Sông Cái - Bộ Công an;
- Viện KSND huyện An Lão;
- CQ CSĐT Công an huyện An Lão;
- CQ THAHS Công an huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Thành;
- Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Giàu